

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Tu.

2. Ông Đinh Văn Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Huyền – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: ông Phạm Văn Thịnh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số A, ngõ C, đường V, tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Tăng Vinh Q, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số C, ngõ E, phố P, Cụm A, phường T, thị trấn T, huyện T, Lãnh thổ Đài Loan.

Tại phiên tòa: chị Nguyễn Thị Thùy D có mặt, anh Tăng Vinh Q vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T Vinh Quang được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 07/12/2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Đến cuối năm 2019 chị và anh Q có đến Văn phòng kinh tế văn hóa Đ tại Hà Nội

để phỏng vấn làm thủ tục xin cấp visa cho chị sang Đài Loan sinh sống. Do phỏng vấn không đạt nên chị vẫn ở lại Việt Nam, còn anh Q thì trở về Đài Loan sinh sống và làm việc cho đến nay.

Đầu năm 2020 do Đ nên anh Q không thể trở lại Việt Nam gặp chị được, dẫn đến vợ chồng hạn chế thông tin về nhau và liên lạc ngày càng ít hơn. Đến năm 2022 anh Q không còn liên lạc với chị, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tăng Vinh Q.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: chị và anh T Vinh Quang không có con chung, tài sản chung, công nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị D có Đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải do anh Tăng Vinh Q hiện đang cư trú tại Lãnh thổ Đài Loan.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã tiến hành uỷ thác tư pháp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên toà cho anh Tăng Vinh Q. Ngày 16/10/2023 Bộ Tư pháp Việt Nam có Công hàm số 2841/CH-BTP gửi Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để thực hiện uỷ thác tổng đạt các văn bản tố tụng nêu trên cho anh T Vinh Quang theo quy định của pháp luật. Ngày 25/3/2024 Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình nhận được văn bản số 519/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo kết quả thực hiện uỷ thác tư pháp theo Công văn số 1711/TTTPDS-TA ngày 26/6/2023 của Tòa án cho anh Tăng Vinh Q, theo đó Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện uỷ thác tư pháp nêu trên vào ngày 26/12/2023.

Ngày 20/3/2024 Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình tiến hành thủ tục uỷ thác tư pháp tổng đạt Thông báo số 01/TB-TA ngày 05/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Tăng Vinh Q. Ngày 05/4/2024 Bộ Tư pháp Việt Nam có Công hàm số 870/CH-BTP gửi Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để thực hiện uỷ thác tổng đạt các văn bản tố tụng nêu trên cho anh T Vinh Quang theo quy định của pháp luật. Ngày 16/8/2024 Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình nhận được văn bản số 2245/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo kết quả thực hiện uỷ thác tư pháp theo Công văn số 434/TTTPDS-TA ngày 20/3/2024 của Tòa án cho anh Tăng Vinh Q, theo đó Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện uỷ thác tư pháp nêu trên vào ngày 28/6/2024.

Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị Thùy D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 37, 147, 149, 227, 228, 469, 470, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Xử cho chị D được ly hôn anh Q. Chị D phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D hiện đang cư trú tại tỉnh Ninh Bình. Bị đơn là anh Tăng Vinh Q hiện không có mặt tại Việt Nam, đang cư trú tại Lãnh thổ Đài Loan. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của chị D là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 40, Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 51, 56, 121, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã uỷ thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn là anh Tăng Vinh Q.

Ngày 12/3/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã mở phiên toà để xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt nhưng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh T Vinh Quang vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên toà theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị đơn là anh T Vinh Quang vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 464, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tăng Vinh Q.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Tăng Vinh Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình vào ngày 07/12/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Nguyễn Thị Thùy D và anh T Vinh Quang chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đại dịch Covid-19 bùng phát nên anh Q không thể trở lại Việt Nam gặp chị D. Hiện nay chị D và anh Q không cùng chung sống với nhau, vợ chồng sống ly thân, không có tình nghĩa vợ chồng. Như vậy, việc vợ chồng chị D, anh Q sinh sống mỗi người một nơi; không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong một thời gian dài thể hiện hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Tăng Vinh Q, anh T Vinh Quang biết nhưng không có văn bản trình bày quan điểm và không có ý kiến gì phản đối. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D về việc cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Tăng Vinh Q.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: chị Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án không phát sinh chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Do đó, chị Nguyễn Thị Thùy D không phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thùy D có quan điểm chị tự nguyện chịu chi phí dịch thuật, chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 37, 40, 144, 147, 150, 227, 228, 235, 464, 469, 470, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 19, 51, 56, 57, 121, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Tăng Vinh Q được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh T Vinh Quang chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: chị Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

2. Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 400.000 đồng theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0000273 ngày 05/7/2023 và Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0000021 ngày 19/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

3. Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0000069 ngày 31/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị Thùy D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tăng Vinh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND TP. Tam Điệp (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Toà Dân sự, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Phượng**